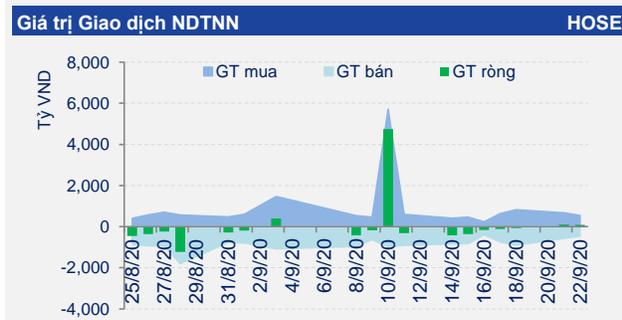
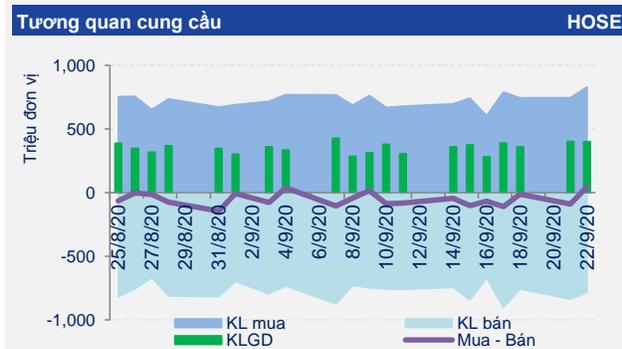


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/9/2020

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index | 906.19 | 132.19 |
| % Thay đổi | ↓ -0.19% | ↑ 1.23% |
| KLGD (CP) | 401,407,999 | 75,626,790 |
| GTGD (tỷ đồng) | 6,745.96 | 1,033.01 |
| Tổng cung (CP) | 784,387,420 | 117,804,100 |
| Tổng cầu (CP) | 832,097,260 | 115,830,900 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 15,248,460 | 499,872 |
| KL mua (CP) | 20,192,730 | 460,330 |
| GT mua (tỷ đồng) | 546.23 | 5.19 |
| GT bán (tỷ đồng) | 464.07 | 6.75 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 82.16 | (1.56) |



| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|--------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 0.11% | 11.9 | 2.0 | 2.5% |
| Công nghiệp | ↓ -0.13% | 13.7 | 2.3 | 11.5% |
| Dầu khí | ↑ 0.02% | - | 1.9 | 4.8% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↑ 0.19% | 98.8 | 3.9 | 3.9% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.38% | 13.3 | 2.6 | 1.0% |
| Hàng Tiêu dùng | ↓ -0.28% | 15.5 | 4.6 | 15.2% |
| Ngân hàng | ↑ 0.81% | 8.4 | 2.1 | 24.5% |
| Nguyên vật liệu | ↓ -0.06% | 15.3 | 1.7 | 16.2% |
| Tài chính | ↓ -0.57% | 16.0 | 2.5 | 18.1% |
| Tiện ích Cộng đồng | ↓ -0.88% | 12.1 | 2.0 | 2.2% |
| VN - Index | ↓ -0.19% | 15.1 | 2.8 | 100.0% |
| HNX - Index | ↑ 1.23% | 10.4 | 1.6 | 0.0% |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giằng co trong phiên hôm nay với kết thúc trái chiều trên hai sàn. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 1,75 điểm (-0,19%) xuống 906,19 điểm; HNX-Index tăng 1,61 điểm (+1,23%) lên 132,19 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 7.779 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 477 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 769 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực cực với 255 mã tăng, 116 mã tham chiếu, 347 mã giảm. VN-Index giằng co trong phiên hôm nay khi bên bán và bên mua không tỏ ra quá áp đảo khiến chỉ số chỉ chủ yếu đi ngang quanh tham chiếu. Nhóm cổ phiếu trụ cột có sự phân hóa mạnh với bên tăng là các mã như VCB (+1,2%), STB (+6,8%), MWG (+1,2%), MBB (+0,8%), BVH (+0,9%), PDR (+1,9%), KDH (+1,6%), HPX (+3,4%)... và các mã giảm có thể kể đến như VIC (-1,5%), GAS (-1,2%), VHM (-0,4%), VNM (-0,4%), SAB (-0,5%), VRE (-0,9%), HPG (-0,6%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như ACB (+1,4%), SHB (+2,7%), THD (+4,7%), PVS (+4,7%), NVB (+2,3%), VCG (+3%)... đều tăng giúp chỉ số HNX-Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán khi thị trường tiệm cận ngưỡng 910 điểm (fibonacci extension 50%) là tương đối mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, dư địa tăng của VN-Index là vẫn còn với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh ngưỡng 910 điểm (fibonacci extension 50%) và một khi chưa xuyên thủng ngưỡng 900 điểm (MA200 tuần) thì kịch bản tăng vẫn chiếm ưu thế. Khối ngoại mua ròng trong phiên thứ hai liên tiếp với khoảng 80 tỷ đồng trên hai sàn cũng là một tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 10 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó thu hẹp mức basis dương xuống còn 2,72 điểm cho thấy nhà đầu tư tiếp tục thận trọng về xu hướng trong ngắn hạn. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/9, VN-Index có thể sẽ tăng trở lại với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 910 điểm (fibonacci extension 50%). Những nhà đầu tư đã chốt lời một phần danh mục quanh ngưỡng 910 điểm trong hai phiên đầu tuần có thể tiếp tục canh những nhịp tăng điểm lên quanh ngưỡng 910 điểm để hạ tỷ trọng cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, những nhà đầu tư nếu đang có tỷ trọng tiền mặt cao trong danh mục có thể mua bắt đáy một phần nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về quanh ngưỡng 895 điểm (MA20).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/9/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và gia tăng trong phiên chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 902,47 điểm. Cũng có thời điểm vào cuối phiên sáng và đầu phiên, lực cầu gia tăng giúp chỉ số hồi lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức cao nhất trong phiên tại 909,69 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 1,75 điểm (-0,19%) xuống 906,19 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 1.400 đồng, GAS giảm 900 đồng, VHM giảm 300 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB tăng 1.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 129,945 điểm. Từ khoảng 9h30 trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì đến cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 132,198 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,61 điểm (+1,23%) xuống 132,19 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 300 đồng, SHB tăng 400 đồng, THD tăng 4.000 đồng. Ở chiều ngược lại, SHN giảm 500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 82,34 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,7 triệu đơn vị. SSI là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 32,3 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 29,8 tỷ đồng tương ứng với 229 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, GAS là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 32,1 tỷ đồng tương ứng với 445 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1,58 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 39,5 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,1 tỷ đồng tương ứng với 80,8 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 884 triệu đồng tương ứng với 66,8 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TIG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 267 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Xuất siêu tiếp tục lập kỷ lục mới

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 9/2020 (từ ngày 01/9 đến ngày 15/9) đạt 24,301 tỷ USD, giảm 8,9% so với kỳ 2 tháng 8/2020. Lũy kế đến hết ngày 15/9, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 361,51 tỷ USD.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay nhưng chỉ số vẫn kết phiên trên ngưỡng 900 điểm (MA200 tuần), thanh khoản khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với 368 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 895 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 860 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index trong vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 865 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/9, VN-Index có thể sẽ tăng trở lại với ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 910 điểm (fibonacci extension 50%).

HNX-Index:



HNX-Index tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên trên ngưỡng tâm lý 130 điểm, thanh khoản khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với 66 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 127 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 119,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 110 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/9, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm với ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 133 điểm (fibonacci extension 100%).



TIN TRONG NƯỚC

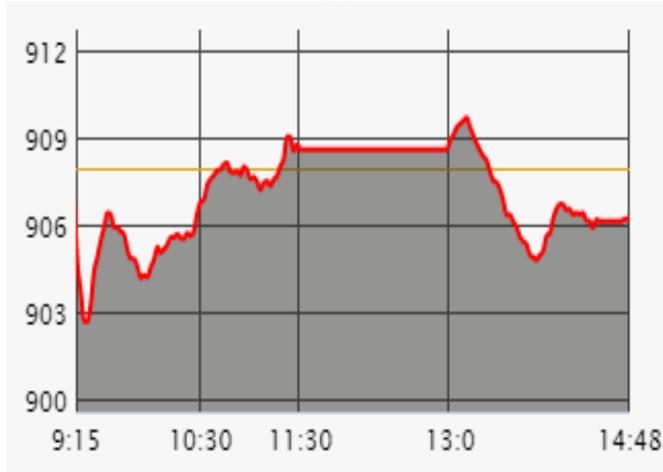
| | |
|-------------------------------------|--|
| Giá vàng trong nước giảm | Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 55,8 - 56,2 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 250.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm tăng 9 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 22/9 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.200 VND/USD, tăng 9 đồng so với ngày hôm qua. |

TIN QUỐC TẾ

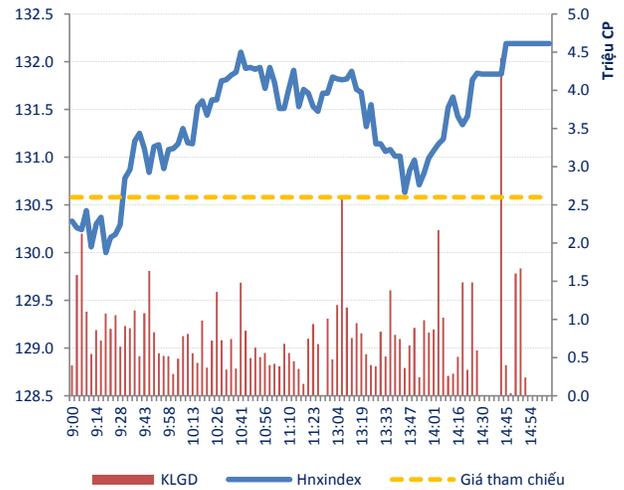
| | |
|----------------------------------|---|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,55 USD/ounce tương ứng với 0,03% xuống 1.909,85 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,064 điểm tương ứng 0,07% lên 93,743 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1738 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2801 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 104,6 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,63 USD tương ứng 1,59% lên 40,17 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ giảm điểm | Kết thúc phiên giao dịch ngày 21/9, chỉ số Dow Jones giảm 509,72 điểm tương ứng 1,84% xuống 27.147,7 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 14,48 điểm tương ứng 0,13% xuống 10.778,8 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 38,41 điểm tương ứng 1,16% xuống 3.281,06 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

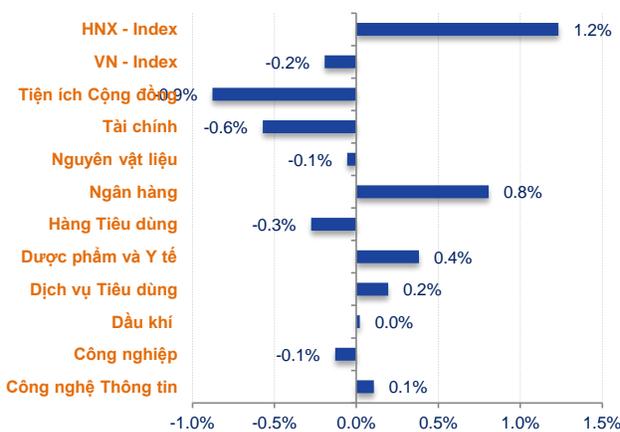
KLGD và VN-Index trong phiên



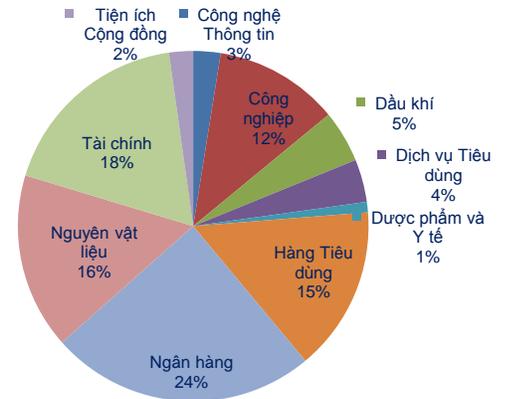
KLGD và HNX-Index trong phiên



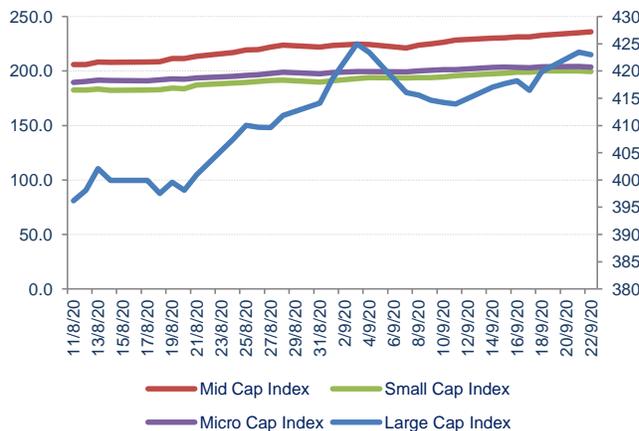
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



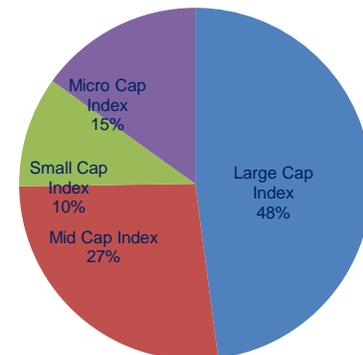
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | FUEVFNVD | 2,100,670 | HAI | 1,964,750 |
| 2 | SSI | 1,952,740 | VND | 976,450 |
| 3 | FUESSVFL | 1,820,920 | HPG | 708,590 |
| 4 | POW | 563,280 | KBC | 649,070 |
| 5 | HSG | 559,950 | CRE | 450,460 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | TIG | 267,000 | TNG | 80,800 |
| 2 | HUT | 12,500 | PVS | 66,800 |
| 3 | HHP | 10,000 | LAS | 57,000 |
| 4 | SDT | 10,000 | DXP | 33,600 |
| 5 | TMB | 7,600 | SRA | 20,500 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| STB | 11.75 | 12.55 | ↑ 6.81% | 46,257,880 |
| HPG | 25.70 | 25.55 | ↓ -0.58% | 15,455,880 |
| HSG | 13.90 | 14.20 | ↑ 2.16% | 15,453,370 |
| HAG | 4.59 | 4.55 | ↓ -0.87% | 14,541,580 |
| ITA | 4.56 | 4.48 | ↓ -1.75% | 12,704,520 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| PVS | 12.90 | 13.50 | ↑ 4.65% | 15,634,392 |
| SHB | 15.00 | 15.40 | ↑ 2.67% | 9,259,575 |
| ACB | 22.00 | 22.30 | ↑ 1.36% | 8,918,608 |
| SHS | 11.90 | 12.00 | ↑ 0.84% | 4,642,304 |
| NVB | 8.60 | 8.80 | ↑ 2.33% | 4,046,456 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| DTL | 8.59 | 9.19 | 0.60 | ↑ 6.98% |
| VAF | 9.63 | 10.30 | 0.67 | ↑ 6.96% |
| TNC | 24.80 | 26.50 | 1.70 | ↑ 6.85% |
| EMC | 17.60 | 18.80 | 1.20 | ↑ 6.82% |
| STB | 11.75 | 12.55 | 0.80 | ↑ 6.81% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| NHP | 0.60 | 0.70 | 0.10 | ↑ 16.67% |
| FID | 1.00 | 1.10 | 0.10 | ↑ 10.00% |
| TTL | 7.00 | 7.70 | 0.70 | ↑ 10.00% |
| HTP | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| TMC | 10.00 | 11.00 | 1.00 | ↑ 10.00% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| PXI | 4.48 | 4.17 | -0.31 | ↓ -6.92% |
| TDG | 2.47 | 2.30 | -0.17 | ↓ -6.88% |
| PTL | 5.47 | 5.10 | -0.37 | ↓ -6.76% |
| AAM | 11.70 | 11.00 | -0.70 | ↓ -5.98% |
| TGG | 1.22 | 1.15 | -0.07 | ↓ -5.74% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| ACM | 0.80 | 0.70 | -0.10 | ↓ -12.50% |
| KST | 17.50 | 15.80 | -1.70 | ↓ -9.71% |
| QNC | 7.50 | 6.80 | -0.70 | ↓ -9.33% |
| MCO | 2.20 | 2.00 | -0.20 | ↓ -9.09% |
| SGH | 40.70 | 37.00 | -3.70 | ↓ -9.09% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| STB | 46,257,880 | 9.0% | 1,349 | 8.7 | 0.8 |
| HPG | 15,455,880 | 3250.0% | 2,626 | 9.8 | 1.6 |
| HSG | 15,453,370 | 13.7% | 1,783 | 7.8 | 1.0 |
| HAG | 14,541,580 | 5.3% | 946 | 4.9 | 0.3 |
| ITA | 12,704,520 | 1.9% | 216 | 21.1 | 0.4 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 15,634,392 | 4.0% | 1,091 | 11.8 | 0.5 |
| SHB | 9,259,575 | 12.9% | 1,658 | 9.0 | 1.2 |
| ACB | 8,918,608 | 21.7% | 2,870 | 7.7 | 1.5 |
| SHS | 4,642,304 | 14.7% | 1,959 | 6.1 | 0.8 |
| NVB | 4,046,456 | 1.0% | 111 | 77.7 | 0.8 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|-------|-----|
| DTL | ↑ 7.0% | -15.4% | (2,482) | - | 0.6 |
| VAF | ↑ 7.0% | 2.9% | 338 | 28.5 | 0.8 |
| TNC | ↑ 6.9% | 15.0% | 2,617 | 9.5 | 1.4 |
| EMC | ↑ 6.8% | 1.1% | 115 | 153.4 | 1.7 |
| STB | ↑ 6.8% | 9.0% | 1,349 | 8.7 | 0.8 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|---------|-----|
| NHP | ↑ 16.7% | -30.3% | (2,650) | - | 0.1 |
| FID | ↑ 10.0% | 0.0% | 0 | 5,333.7 | 0.1 |
| TTL | ↑ 10.0% | 4.1% | 528 | 13.3 | 0.5 |
| HTP | ↑ 10.0% | 1.8% | 217 | 36.8 | 0.7 |
| TMC | ↑ 10.0% | 3.5% | 537 | 18.6 | 0.7 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|--------|-----------|-------|-------|------|-----|
| UEVFN | 2,100,670 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| SSI | 1,952,740 | 10.7% | 1,718 | 9.6 | 1.0 |
| UESSVF | 1,820,920 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| POW | 563,280 | 7.2% | 925 | 10.9 | 0.8 |
| HSG | 559,950 | 13.7% | 1,783 | 7.8 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| TIG | 267,000 | 9.2% | 1,361 | 5.3 | 0.5 |
| HUT | 12,500 | 1.8% | 212 | 12.7 | 0.2 |
| HHP | 10,000 | 8.3% | 1,023 | 10.7 | 0.9 |
| SDT | 10,000 | 1.0% | 199 | 26.1 | 0.3 |
| TMB | 7,600 | 50.0% | 7,761 | 2.3 | 1.0 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 324,713 | 6.2% | 2,208 | 43.5 | 2.6 |
| VCB | 307,837 | 21.3% | 4,916 | 16.9 | 3.4 |
| VHM | 253,622 | 31.5% | 6,554 | 11.8 | 3.3 |
| VNM | 226,553 | 35.1% | 6,163 | 21.1 | 7.0 |
| BID | 164,098 | 11.1% | 2,142 | 19.0 | 2.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 47,554 | 21.7% | 2,870 | 7.7 | 1.5 |
| SHB | 26,330 | 12.9% | 1,658 | 9.0 | 1.2 |
| VCG | 15,990 | 10.3% | 1,813 | 20.0 | 2.1 |
| VCS | 10,492 | 39.2% | 8,222 | 8.2 | 3.2 |
| IDC | 7,200 | 8.8% | 1,231 | 19.5 | 1.7 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| DRH | 3.47 | 7.9% | 1,063 | 7.1 | 0.6 |
| SJF | 2.39 | -4.5% | (486) | - | 0.2 |
| KSB | 2.36 | 26.2% | 6,388 | 4.8 | 1.2 |
| ACL | 2.18 | 5.5% | 734 | 21.2 | 1.2 |
| TNI | 2.15 | 1.9% | 222 | 14.5 | 0.3 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-----|-----|
| CTP | 2.53 | 7.2% | 870 | 4.7 | 0.3 |
| SHS | 2.47 | 14.7% | 1,959 | 6.1 | 0.8 |
| SHB | 2.20 | 12.9% | 1,658 | 9.0 | 1.2 |
| VC9 | 2.13 | -4.1% | (607) | - | 0.4 |
| QNC | 1.82 | 96.6% | 3,435 | 2.2 | 1.5 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
